TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41**/2021/HS-ST
Ngày: 30 - 12 - 2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoạt

Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trần Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định xét xử số 39/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Bị cáo **Danh P**, sinh ngày 15 tháng 11 năm: 1999, nơi sinh: tại Kiên Giang. Nơi thường trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam, Tôn giáo: không, con ông Danh S, sinh năm: 1966 và mẹ Thị Q, sinh năm: 1968; vợ Danh Thị Huyền T, sinh năm: 2000, có 01 con sinh năm: 2021.Tiền án: không. Tiền sự: Ngày 22/3/2021, bị Cơ quan Công an xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28 tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Những người tham gia tố tụng:

2.1. Bị hại: Chị Nguyễn Thị Mộng K, sinh năm: 1993. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Mương K, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2.2. Người bào chữa cho bị cáo Danh P: Bà Dương Thị T - Là trợ giúp viên thực hiện việc trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K. (Có mặt)

2.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1983. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Mương K, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2.4. Người làm chứng: Anh Danh D, sinh năm: 1982. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Mương K, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 05/3/2021, Danh P đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là ba con gà của ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm: 1976 tại xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang bị Công an xã N xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng.

Khoảng 9 giờ ngày 27/5/2021, bạn của Danh P tên Nguyễn Trí N, sinh năm: 1997 ngụ tại ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang chạy xe mô tô đến gặp P và rủ P đem theo con gà trống của P làm mồi nhử để bắt trộm gà của người dân đem bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng nên P đồng ý. Nguyên chở P mang theo con gà đi về hướng xã Sơn Bình để tìm gà trộm cắp, khi đến đoạn đường thuộc ấp Mương K, xã S thì vợ N điện thoại kêu N về chở đi công việc. N kêu P đứng đợi, Nguyên đi công việc về sẽ quay lại. Sau đó, N chạy xe đi còn P đứng ôm con gà. Người dân thấy P ôm con gà nên nghi ngờ P trộm cắp gà nên đã gọi điện báo Công an xã S. Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Công an xã S đã mời P về trụ sở làm việc. P đã thừa nhận mang theo gà làm mồi nhử đi trộm cắp gà của dân nhưng chưa thực hiện được. Công an xã S đã cho P làm cam kết, tạm giữ gà của P và cho P về.

Đến khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, trên đường đi bộ về, khi đến tịnh

thất Ngọc Luật tại ấp Mương K, xã S, huyện H, P nhìn thấy xe mô tô biển kiểm soát 68T6-8438 của chị Nguyễn Thị Mộng K, sinh năm: 1993 ngụ tại ấp Mương K, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang đang đậu trước cửa Tịnh thất không có người trông coi nên P nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô đem bán để lấy tiền mua ma túy về sử dụng. P đi đến dẫn xe mô tô 68T6-8438 ra đường lộ nhựa rồi điều khiển xe lưu thông trên đường tỉnh 969B chạy về hướng xã T. Khi P điều khiển xe mô tô đi ngang qua nhà chị K ở đoạn đường tổ 4, ấp Mương K, xã B, huyện H thì bị chồng chị K là anh Nguyễn Văn S nhìn thấy. Anh S kêu anh Danh D ở gần nhà lấy xe mô tô đuổi theo P. Còn P điều khiển xe mô tô 68-T6-8438 đến đoạn đường cầu R (thuộc ấp V, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang) thì dừng xe lại, P dùng tay tháo gỡ phần đầu đèn của xe tránh bị chủ xe phát hiện. Lúc này anh Sạch và anh D đuổi theo đến nơi, P bỏ chạy thì bị anh S và anh D đuổi theo bắt được cùng tang vật. Sau đó, anh S và anh D đã bàn giao P cùng tang vật cho Cơ quan Công an xử lý. Sau đó, Cơ quan Công an đã khởi tố và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/7/2021 cho đến nay.

Trong thời gian cấm khỏi nơi cư trú, do Danh P là đối tượng thường xuyên xử dụng chất ma túy nên ngày 19/7/2021, Ủy ban nhân dân xã T ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với Danh P theo Quyết định số 215 ngày 19/7/2021.

**** Tại kết luận giám định giá tài sản số 15/KLĐGTS ngày 20/7/2021 Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự - UBND huyện H kết luận:***

Xe mô tô mang biển kiểm soát số 68T6-8438 được định giá với số tiền là 1.500.000 đồng.

**** Tại Cáo trạng số 40/CT-VKS-HĐ ngày 29/11/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố:***

Truy tố bị cáo Danh P về tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2017).*

**** Về vật chứng thu giữ được***: Một xe mô tô biển kiểm soát số 68T6-8438, nhãn hiệu Vicky; loại 110-RS, số máy LF1P52FMH-3*60142878, số khung RNKWCH5UM5X142878.

**** Xử lý vật chứng***: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều

106 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số 22/QĐ-CSĐT ngày 11/7/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H về việc trả lại chiếc mô tô biển kiểm soát số 68T6-8438 cho chị Nguyễn Thị Mộng K.

**** Về trách nhiệm dân sự***: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Danh P về tội *"Trộm cắp tài sản"*, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của BLHS năm 2015 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, xử phạt: Bị cáo Danh P mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Đồng thời, đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có công việc ổn định, gia đình khó khăn và lao động chính trong gia đình.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số 22/QĐ-CSĐT ngày 11/7/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H về việc trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 68T6-8438 cho chị Nguyễn Thị Mộng K.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Mộng K không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Do bị cáo là người dân tộc thiểu số thuộc vùng kinh tế khó khăn nên đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Danh P thống nhất với về tội danh, điều khoản mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố đối với bị cáo Danh P.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số thuộc vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo Danh P được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Danh P mức án thấp nhất của đại diện Viện kiểm sát nhân

dân huyện H đã đề nghị áp dụng cho bị cáo Danh P.

Tại phiên tòa, các bị cáo Ki nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang đã truy tố đối với bị cáo. Lời nói sau cùng của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng*: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan Điều tra, Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về hành vi phạm tội và tội danh*: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa đã có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo Danh P đã lén lúc lấy trộm xe mô tô mang biển kiểm soát 68T6-8438 của chị Nguyễn Thị Mộng K. Tại kết luận giám định giá tài sản số 15/KLĐGTS ngày 20/7/2021 Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự - UBND huyện H kết luận, trị giá xe mô tô mang biển kiểm soát số 68T6-8438 được định giá với số tiền là 1.500.000 đồng. Đồng thời, bị cáo đã bị xử phạt hành chính đối với hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định xử phạt hành chính số 03/QĐ-XPHC ngày 22/3/2021 của Công an xã N chưa xóa án tích, mà còn vi phạm. Cho nên, hành vi của bị cáo Danh P đã cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Danh P tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự

năm 2015 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2017)* là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có trình độ học vấn (10/12), đủ nhận thức để biết được việc lợi dụng sơ hở của bị hại để lén lút lấy trộm tài sản thuộc sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì mong muốn thỏa mãn kiếm tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo bất chấp quy định pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo không chỉ cố ý trực tiếp xâm phạm đến sở hữu tài sản của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt thật nghiêm để răn đe, để giáo dục các bị cáo đồng thời để phòng ngừa chung cho xã hội.

[3]. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2017).*

Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo Danh P bị Uỷ ban nhân dân xã T áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 215/QĐ-XPVPHC ngày 19 tháng 7 năm 2021.

Xét thấy, bị cáo P bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng hành vi xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo P xảy ra sau khi có Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can nên Hội đồng xét xử thống nhất không xác định hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính sau là tiền sự đối với bị cáo P nhằm đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, nhưng vẫn xem xét bị cáo có nhân thân chưa tốt.

[4]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn Ki báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2017).*

Đồng thời, bị cáo Danh P bị truy tố tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2017)* với khung hình phạt chính là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm tù, nên thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2017)*; bên cạnh đó, bị cáo phạm tội lần đầu nên bị cáo đủ điều kiện được hưởng

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2017)* nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét đối với bị cáo khi lượng hình.

Ngoài ra, bị cáo P là người dân tộc thiểu số sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo là lao động chính. Đây chính là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xét thấy, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên bị cáo đủ điều kiện áp dụng khoản 3 Điều 54 BLHS năm 2015. Do đó, HĐXX sẽ xem xét, cân nhắc khi lượng hình đối với bị cáo.

[5]. *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2017)* thì bị cáo P có thể bị phạt hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án cho thấy bị cáo làm thuê, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo P.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại Nguyễn Thị Mộng K đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[7]. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng dân sự ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số 22/QĐ-CSĐT ngày 11/7/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H về việc trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 68T6-8438 cho chị Nguyễn Thị Mộng K.

[8]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Danh P là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế đặc

biệt khó khăn nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo P không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì vậy, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H và chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Danh P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Danh P phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. **Xử phạt:**

Bị cáo **Danh P 06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

2. ***Về hình phạt bổ sung***: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Danh P.

3. ***Về trách nhiệm dân sự***: Bị hại Nguyễn Thị Mộng K đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. ***Về xử lý vật chứng***: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số 22/QĐ-CSĐT ngày 11/7/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H về việc trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 68T6-8438 cho chị Nguyễn Thị Mộng K.

5. ***Về án phí***: Căn cứ khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Danh P là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên bị cáo Danh P không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

6. ***Về quyền kháng cáo***: Bị cáo Danh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị hại Nguyễn Thị Mộng K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, tính từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**** Nơi nhận:***
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- CQĐT, CQ.THA hình sự & Nhà tạm giữ CA huyện;
- Chi THADS huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh